

Số: 145/BC-UBND

Đông Sơn, ngày 09 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 đối với xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg, ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2025;

Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã Đông Nam về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Đông Nam đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Nam, UBND huyện Đông Sơn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 đối với xã Đông Nam, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 08/5/2023 đến ngày 8/6/2023).

1. Về hồ sơ

- Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Nam thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg, ngày 02/8/2022 về ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, bao gồm:

- Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 28/4/2023 của UBND xã Đông Nam về việc đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã Đông Nam đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023;

- Biên bản họp ngày 28/4/2023 của UBND xã Đông Nam về họp xét đề nghị xét công nhận xã Đông Nam đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2023;

- Báo cáo số 122/BC-UBND ngày 07/4/2023 của UBND xã Đông Nam về báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 của xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo số 235/BC-UBND ngày 26/5/2023 của UBND xã Đông Nam về báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 của xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa (*Bổ sung sau khi các phòng ngành chuyên môn huyện có văn bản thẩm tra các tiêu chí*);

- Báo cáo số 121/BC-UBND ngày 07/4/2023 của UBND xã Đông Nam về tình hình nợ đọng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM;

- Báo cáo số 180/BC-UBND ngày 26/4/2023 của UBND xã Đông Nam về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2023 trên địa bàn xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Hồ sơ minh chứng 19 Tiêu chí xã NTM nâng cao, duy trì các tiêu chí xã NTM; Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM nâng cao.

2. VỀ KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

2.1 Công tác chỉ đạo điều hành

Thực hiện Nghị Quyết đại hội Đảng các cấp, Chương trình MTQG xây dựng NTM với quyết tâm cao, phát huy truyền thống của địa phương trong nhiều năm qua Đảng bộ và Nhân dân xã Đông Nam, đã có nhiều cố gắng và giành được nhiều thành tích trong việc phát triển kinh tế xã hội, đời sống Nhân dân được cải thiện, diện mạo quê hương ngày càng đổi mới. Phần đầu đưa xã Đông Nam đạt chuẩn xã NTM nâng cao giai đoạn 2021 – 2025, đến cuối năm 2020, trên địa bàn xã có thôn đầu tiên (thôn Mai Chử) được công nhận đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu, đến hết năm 2022 xã đã có 04/06 thôn được công nhận đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu.

Phần đầu xây dựng xã NTM nâng cao năm 2023, vì vậy ngay từ khi triển khai thực hiện, nội dung chương trình xây dựng NTM nâng cao đã được đưa vào một trong những nhiệm vụ trọng tâm của xã. Đảng ủy ban hành Nghị quyết số 26-NQ/ĐU ngày 30/12/2022 về phương hướng, nhiệm vụ xây dựng xã NTM nâng cao năm 2023; Chương trình hành động số 11-CT/ĐU ngày 10/01/2023 về thực hiện Nghị quyết BCH Đảng bộ huyện Đông Sơn năm 2023; UBND xã ban hành: Kế hoạch hành động số 32/KH-UBND ngày 14/01/2023 về việc thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2023, Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 31/01/2023 về xây dựng xã NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu năm 2023. Ban chỉ đạo xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của xã được kiện toàn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Ban Chỉ đạo xã tổ chức hội nghị giao ban định kỳ 2 tuần/lần hoặc giao ban đột xuất khi cần để kịp thời nắm bắt, theo dõi, giải quyết, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc. Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Phát triển thôn, tổ phụ trách đã bám sát thôn, cơ quan, đơn vị để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chương trình; theo đó gắn trách nhiệm của từng đồng chí với việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ.

2.2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a. Công tác truyền thông

Tuyên truyền xây dựng NTM nâng cao là nhiệm vụ quan trọng trong việc tổ chức thực hiện chương trình, nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, Đảng viên và quần chúng Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng NTM nâng cao trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, làm cho nhân dân hiểu rõ xây dựng NTM nâng cao chính là tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tiên tiến, phát triển sản xuất để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, từ đó nhân dân đã tích cực đóng góp công sức, tiền của để thực hiện chương trình. Xã tổ chức tuyên truyền với nhiều nội dung và hình thức đa dạng, phong phú như: tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh; tuyên truyền trực quan bằng các cụm tin, băng zôn, khẩu hiệu; thông qua các cuộc họp. Tổng số có trên 45 hội nghị được tổ chức tại xã, trên 80 buổi tuyên truyền, sinh hoạt tại cơ sở thôn; 106 tin bài, 115 băng zôn, 36 khẩu hiệu tường, 160 pano (trong đó có 04 pano rộng trên 12m²). Tuyên truyền một cách sâu rộng bằng nhiều hình thức nhằm chuyển tải mục đích ý nghĩa của chương trình từ đó nâng cao nhận thức trách nhiệm của cán bộ đảng viên và các tầng lớp nhân dân, với phương châm xây dựng NTM: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng.

MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong xã đã đã chung sức, vào cuộc làm tốt công tác tuyên truyền vận động thực hiện phong trào thi đua đồng thời tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.- Hội nông dân, Hội phụ nữ tổ chức nhiều buổi tập huấn, mở nhiều lớp dạy nghề, tổ chức các hội thi Nông dân, Phụ nữ, chung tay xây dựng NTM.

Hội CCB, Đoàn thanh niên phát huy truyền thống “Anh bộ đội Cụ Hồ”, “Thanh niên làm theo lời Bác”; vận động hội viên, đoàn viên gương mẫu đi đầu trong các phong trào, làm kinh tế giỏi, xung kích trong phong trào bảo vệ môi trường.

Hội người cao tuổi với phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, mẫu mực làm gương động viên con cháu tích cực lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, phát huy nội lực chung sức xây dựng NTM, thực hiện tốt việc tổ chức tang lễ theo quy ước nếp sống mới và các giá trị văn hóa truyền thống, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tham gia quy hoạch quản lý nghĩa trang, nghĩa địa và xây dựng làng xã văn hóa.

Qua các hình thức tuyên truyền nêu trên, nhận thức của đại bộ phận Nhân dân trong xã có nhiều chuyển biến, tích cực tham gia họp bàn và đóng góp xây dựng với nhiều cách làm hay, tạo được phong trào thi đua ở từng thôn, xóm đối với phong trào xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

b. Công tác đào tạo tập huấn

Tổ chức cho đội ngũ cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do tỉnh và huyện tổ chức, đồng thời tổ chức quán triệt về triển khai kế hoạch xây dựng NTM nâng cao đến tất cả các cán bộ, Nhân dân trong xã biết và tổ chức thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện BCD xã, Tiểu ban ở thôn căn cứ vào các văn bản quy định của Trung ương, của tỉnh, của huyện và tình hình thực tế của địa phương phối hợp với các phòng, ban ngành cấp huyện tổ chức các lớp tập huấn

nghiệp vụ, khuyến nông, chuyên trao tiên bộ KHKT, VSATTP... để triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả đảm bảo quy hoạch, kế hoạch theo quy định.

2.3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

Trong những năm qua, xác định mục tiêu xây dựng NTM nâng cao phải gắn liền với cuộc sống người dân được nâng cao. Chính vì vậy việc phát huy tiềm năng, lợi thế của xã, tăng thu nhập cho người dân, tạo sự phát triển mạnh về kinh tế được Đảng ủy và chính quyền quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện.

a. Phát triển kinh tế nông thôn

Nhận thức đúng đắn quan điểm của Đảng, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm, từ đặc điểm một xã kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, vì vậy nông nghiệp luôn được xác định là mặt trận hàng đầu, làm tốt công tác ứng dụng các tiến bộ KHKT, thâm canh chuyên đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, tạo sự chuyển biến tích cực trong sản xuất; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức cho Nhân dân cải tạo đồng ruộng, đầu tư phát triển, hoàn thiện hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng; tổ chức nhiều lớp tập huấn chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước làm thay đổi tư duy, tập quán canh tác của người nông dân. Làm tốt các mô hình, đưa các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phát triển đem lại hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình trồng cây thanh long ruột đỏ, mô hình nuôi gà thả vườn, mô hình nuôi ốc, lươn, mô hình nuôi cá, trồng hoa và cải tạo vườn tạp....; 04 trang trại tổng hợp với diện tích trên 6,9 ha, mô hình sản phẩm nông nghiệp sạch, mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; mô hình tăng vụ trên đất 2 lúa chân vàng, các mô hình cây trồng có giá trị kinh tế cao, sản xuất đa cây đa con, đa thời vụ...bên cạnh đó kinh tế trang trại cũng đã đưa con giống mới vào sản xuất như: Cá rô đầu vuông, cá chép, gà ri... cũng mang lại thu nhập đáng kể cho Nhân dân toàn xã... Luôn quan tâm đến việc đẩy mạnh sản xuất vụ đông; đưa các loại cây trồng mới năng suất cao như cà chua ghép, cây khoai tây đông, đông - xuân, ớt xuất khẩu đông sản xuất theo mô hình liên kết... .

Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã, quy hoạch đất đai, dồn đổi ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo từng lĩnh vực rõ rệt, thực hiện sản xuất đúng theo quy hoạch và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên việc sử dụng tài nguyên đất đai được hợp lý, bền vững và mang lại hiệu quả kinh tế cao; lượng sản xuất hàng hóa ra trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản luôn được duy trì và tăng qua các năm, chất lượng ngày càng được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn cho nhu cầu thị trường, góp phần đáng kể trong việc tăng thu nhập cho Nhân dân trong xã.

Trong phát triển chăn nuôi: khuyến khích Nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại; làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, đưa các loại giống vật nuôi mới cho hiệu quả kinh tế cao như lợn hướng nạc, gà, vịt siêu trứng,...vào sản xuất. Đặc biệt là có sự liên kết trong nông nghiệp, giữa 4 nhà (nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và nhà nông), từ việc tích tụ đất đai, xây dựng cánh đồng lớn, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, từng bước đổi mới tổ chức lại sản xuất nông nghiệp đã sớm khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, phân tán ruộng đất; đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật

áp dụng vào sản xuất, nhằm giảm chi phí đầu tư tăng hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho người nông dân.

b. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn

Trong những năm qua cấp ủy Đảng và chính quyền xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân phát triển sản xuất, đa dạng hóa các loại ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng như cơ khí, mộc dân dụng, xây dựng, may mặc, làm tóc giả, đá mỹ nghệ, chân hương... Dịch vụ được phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân như: dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ cơ khí, sửa chữa các phương tiện lao động sản xuất và đời sống; tiếp nhận dịch vụ hỗ trợ vay vốn của các ngân hàng, của quỹ tín dụng, dịch vụ vận tải, kinh doanh tổng hợp....Chợ Đông Nam đã được đầu tư nâng cấp, sửa chữa đáp ứng nhu cầu giao lưu mua bán hàng hóa cho Nhân dân trong và ngoài xã. Trên địa bàn xã có 6 xưởng may công nghiệp và 43 doanh nghiệp thu hút hàng nghìn lao động của địa phương và các vùng lân cận. có 01 sản phẩm nước uống đóng chai Nam Anh – thôn Tân Chính đã được UBND huyện Đông Sơn công nhận sản phẩm OCOP 3 sao.

c. Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân

Trong những năm qua, cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tập trung xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, Chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn xã đã trở thành nhiệm vụ chính trị của cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức đoàn thể. Các chương trình, chính sách giảm nghèo đã huy động sức mạnh, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống Nhân dân trong xã ngày càng được nâng lên. Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt là 58,2 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã giảm rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã hiện chỉ còn 07 hộ nghèo (trong đó có 04 hộ không còn khả năng lao động).

2.4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

Tổng nguồn vốn huy động: 383.054 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.543 triệu đồng chiếm 0,006%;
- Ngân sách tỉnh: 300 triệu đồng, chiếm 0,0008 %;
- Ngân sách huyện: 106.556 triệu đồng, chiếm 27,81%;
- Ngân sách xã: 66.072 triệu đồng, chiếm 17,24%;
- Nguồn nhân dân đóng góp: 207.583 triệu đồng, chiếm 54,19%;

Trong đó:

+ Nhân dân đóng góp bằng tiền, hiện vật, hiến đất, ngày công để xây dựng các công trình phúc lợi: 25.550 triệu đồng, chiếm 6,70%.

+ Nhân dân chính trang, xây dựng nhà ở, các công trình phụ trợ: 182.033 triệu đồng, chiếm 47,49%.

3. Xã Đông Nam đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 theo Quyết định số 4672/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Trong những năm qua, xã luôn chú trọng làm tốt công tác duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí, đã tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện luôn duy trì đạt

chuẩn 19/19 tiêu chí xã NTM giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đông Nam (thuộc vùng 2)

4.1. Tiêu chí số 01 về Quy hoạch

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 1.1: Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Chỉ tiêu số 1.2: Có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Chỉ tiêu số 1.3: Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 1.1:

Toàn bộ địa giới hành chính của xã Đông Nam thuộc quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 259/QĐ-TTg ngày 17/3/2023 và công bố quy hoạch. Vì vậy xã Đông Nam, đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) xã, nhằm đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn).

- Chỉ tiêu số 1.2:

Quy chế quản lý QHC xã Đông Nam đã được rà soát theo Điều chỉnh QHC đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (bao gồm cả huyện Đông Sơn) theo quyết định 259/QĐ-TTg ngày 17/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên cơ sở các đồ án đã được duyệt UBND huyện đã ban hành các quy chế quản lý và tổ chức thực hiện xây dựng cụ thể: công tác cấp GPXD cho các tổ chức, cá nhân khi thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa công trình kiến trúc, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở (nội dung GPXD đã kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch chi tiết đô thị đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật về xây dựng). Cung cấp thông tin quy hoạch trong các phân khu đã được duyệt.

- Bản vẽ quy hoạch xây dựng nông thôn mới được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và trực đường liên xã. Xây dựng kế hoạch và tổ chức cắm mốc, hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt.

Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội của xã đã được đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chỉ tiêu số 1.3:

Các khu dân cư mới được quy hoạch chi tiết 1/500 phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt, cụ thể: Các MBQH số 933; MBQH số 3078; MBQH số 3079; MBQH số 7543.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí 1 về Quy hoạch: Đạt

4.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 2.1: Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5\text{m}$ (trong đó: $\geq 60\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).

- Chỉ tiêu số 2.2: Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ và $\geq 50\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).

- Chỉ tiêu số 2.3: Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: $\geq 90\%$. (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$).

- Chỉ tiêu số 2.4: Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đạt 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 2.1:

Đường xã và đường trung tâm xã đến nhà văn hóa các thôn gồm 6 tuyến với tổng chiều dài 9,7km, đã được nhựa hóa 9,7/9,7 km đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, chiều rộng mặt đường $\geq 6,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 8\text{m}$, được bảo trì hàng năm, đạt 100%.

Trên các tuyến đường có 8,0/9,7km đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp, có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc và cây xanh...) theo quy định, đạt 82,5%.

- Chỉ tiêu số 2.2:

Gồm 17 tuyến, tổng chiều dài 15,4km, đã được nhựa hóa 6 tuyến và bê tông hóa 11 tuyến với chiều rộng mặt đường $\geq 3\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4\text{m}$ được bảo trì hàng năm là 15,4/ 15,4km đạt 100%.

Trên các tuyến đường có 10,2/15,4km đạt đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, có các hạng mục cần thiết theo quy định đạt 66,2%.

- Chỉ tiêu số 2.3:

- Đường ngõ, xóm toàn xã gồm 117 tuyến, tổng chiều dài 14,68km, toàn bộ đã được bê tông hoá đạt 14,68/14,68km đạt 100%, và 13,3/14,68km chiều rộng mặt đường $\geq 3\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4\text{m}$ 90,6%.

Trong đó có 13,6/14,68km đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt 92,6%.

- Chỉ tiêu số 2.4:

Đường trục chính nội đồng gồm 15 tuyến, tổng chiều dài 9,6 km, đã được bê tông hóa, cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất vận chuyển hàng hóa 9,6/9,6 đạt 100%, trong đó: bê tông hóa 13 tuyến, chiều dài 7,5/9,6 km đạt 78,1%; cứng hoá là 2,1/9,6 km chiếm tỷ lệ 21,9%. Tất cả các tuyến đường đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4\text{m}$,

c. Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 02 về Giao thông: Đạt.

4.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 3.1: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

- Chỉ tiêu số 3.2: Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Chỉ tiêu số 3.3: Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước $\geq 20\%$.

- Chỉ tiêu số 3.4: Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

- Chỉ tiêu số 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

- Chỉ tiêu số 3.6: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 3.1: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:

+ Năm 2022, Diện tích đất sản xuất NN được gieo trồng của xã là 702,28ha, trong đó: Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là 702,28ha đạt 100%.

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của xã là 706,9 ha, trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp của xã được tiêu chủ động là 706,9 ha, đạt 100%.

- Chỉ tiêu số 3.2: Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững.

Trên địa bàn xã hiện có hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đông Nam được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã, có giấy đăng ký thành lập Hợp tác xã do phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đông Sơn chứng nhận, thực hiện nhiệm vụ thủy lợi cơ sở. Có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận. Hợp tác xã có điều lệ được 100% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và được UBND xã Đông Nam xác nhận. Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ

thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở: trên địa bàn xã Đông Nam có 2.136 người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đều là thành viên của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Đông Nam. Tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định. Đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt 80 điểm.

- Chỉ tiêu số 3.3:

Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Nam là cây lúa với tổng diện tích 02 vụ 633 ha, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước Nông - Lộ - Phơi 633/633 ha đạt tỷ lệ 100%.

- Chỉ tiêu số 3.4: Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.

Tất cả công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý có kế hoạch bảo trì hàng năm:

+ UBND xã đã chỉ đạo HTX đã lập kế hoạch bảo trì tất cả các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do HTX quản lý.

+ HTX có báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra thường xuyên, trước và sau mùa mưa, kiểm tra ngay sau khi có mưa, lũ lớn.

+ HTX có hồ sơ thể hiện việc sử dụng lao động, vật liệu thực hiện bảo dưỡng các hạng mục theo kế hoạch.

- Các hạng mục công trình được sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ đạt 100% so với kế hoạch.

- Các sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc thiết bị bị ảnh hưởng tác động bởi thiên tai được xử lý sửa chữa đột xuất kịp thời.

- Chỉ tiêu số 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

Toàn xã có 6 thôn, sinh sống tập trung thành một vùng, chất thải, nước thải được thu gom chảy ra kênh tiêu của hệ thống kênh Cần Liêm - Phú Bật, sông Hoàng, sông Mơ được kiểm soát nguồn nước thải vào công trình thủy lợi trên địa bàn xã, có bảng thống kê, cập nhật đầy đủ các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi xã quản lý.

- UBND xã đã thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền, đến nay, trên địa bàn xã có không có cá nhân có hoạt động xả nước thải trái quy định vào công trình thủy lợi.

- Chỉ tiêu số 3.6: Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

Xã đã thành lập Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCTT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đê điều; Nghị định số 02/2019/NĐ-CP, ngày 02/01/2019 của Chính phủ về phòng thủ dân sự, tại Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 03/04/2021 gồm 23 người; phân công cụ thể trách

nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phụ trách các cơ sở phù hợp với điều kiện của địa phương.

UBND xã thành lập, kiện toàn và củng cố, duy trì hoạt động thường xuyên của đội xung kích phòng, chống thiên tai nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

UBND xã đã xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 đã được bổ sung vào kế hoạch thực hiện và tổ chức phê duyệt theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ, đồng thời xây dựng và ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với các loại hình thiên thường xuyên xảy ra trên địa bàn xã như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, nắng nóng... được xây dựng cụ thể chi tiết phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên nhiên ở địa phương.

Hàng năm 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác PCTT hàng năm được tập huấn, huấn luyện nâng cao năng lực, trình độ về công tác phòng chống thiên tai, cứu nạn cứu hộ.

Trên địa bàn toàn xã có 30 cụm và 54 loa phát thanh được đặt ở 6 thôn do đó có 100% người dân trong xã được nghe phổ biến về kiến thức phòng, chống thiên tai. Thông qua hệ thống truyền thanh về kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai của xã và của cấp trên.

Về lực lượng và phương tiện: Xã đã thực hiện rà soát với 223 người là lực lượng PCTT tại chỗ gồm: Công an xã (11), Dân quân (53), cán bộ xã (18), Đoàn thanh niên (15), Hội Cựu chiến binh (9), Hội Nông dân (9), Lực lượng tại các thôn (48), lực lượng khác (60); Thành lập Đội xung kích xã gồm 91 người; trong đó lực lượng xung kích là nòng cốt là lực lượng dân quân tại chỗ với số lượng 53 người. Lực lượng của thôn: Các thôn Thành Vinh, thôn Tân Chính, thôn Mai Chũ, thôn Phú Yên, thôn Hạnh Phúc Đoàn, thôn Sơn Lương, mỗi thôn 8 người, tuy nhiên trong trường hợp khẩn cấp huy động toàn dân tham gia phòng, chống lụt bão. Về phương tiện: xe ô tô 4-45 chỗ có 24 cái, ô tô tải 9 cái, 04 máy xúc, khi cần huy động để tham gia phòng chống thiên tai.

Kết quả chuẩn bị vật tư dự trữ đảm bảo hoàn thành 100% về số lượng và chủng loại theo chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn.

Có 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ trên hệ thống loa phát thanh của xã, thôn; thành lập trang facebook phòng chống thiên tai xã Đông Nam kết nối với trang facebook của trung ương, tỉnh, huyện kịp thời truyền tải thông tin về công tác phòng chống thiên tai đến các thành viên BCH và nhân dân trên địa bàn xã được nhanh chóng và hiệu quả. 100% những điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, biển cảnh báo.

Trong những năm qua trên địa bàn xã không có các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai: Đạt.

4.4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định đạt $\geq 99\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Toàn xã có 6,2km đường dây trung áp, 16,5km đường dây hạ thế, có 8 trạm biến áp với công suất 1750KVA, trong quá trình thực hiện tiêu chí xã Đông Nam đã đấu nối phối hợp với công ty cổ phần Quản lý kinh doanh Điện Thanh Hóa, và Điện lực Nông Cống thay thế, tu sửa, bảo dưỡng để cung cấp ổn định, toàn bộ hệ thống điện của xã đã đảm bảo theo yêu cầu của ngành điện.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: có 1.452/1.452 hộ đạt 100%.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 4 về Điện: Đạt.

4.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 5.1: Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 đạt 100%.

- Chỉ tiêu số 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Chỉ tiêu số 5.3: Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3.

- Chỉ tiêu số 5.4: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

- Chỉ tiêu số 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá.

- Chỉ tiêu số 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 5.1: trên địa bàn xã hiện có 2 trường ở 03 cấp học đều đạt chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư lớn, một số thiết bị đã mang tính hiện đại, trong đó 01 trường đạt chuẩn mức độ 1, 01 trường đạt chuẩn mức độ 2 đạt 100%, cụ thể:

Trường MN Đông Nam đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Trường TH&THCS Đông Nam đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 5557/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ tiêu số 5.2:

Hàng năm, xã đều duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMNTE5T tốt và được UBND huyện công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, kết quả 2 năm gần đây.

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021;

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022, chi tiết:

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp đạt 100% (86/86 cháu).

+ Tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GD MN đạt 100% (82/82 cháu).

- Chỉ tiêu số 5.3:

Hàng năm, xã đều duy trì và nâng cao chất lượng PCGDTH và PCTHCS và được UBND huyện công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và phổ cập giáo dục THCS Mức độ 3, kết quả 2 năm gần đây:

Năm 2021: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS theo Quyết định số 8991/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2021.

Năm 2022: Đã đạt chuẩn PCGDTH và PCTHCS Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022. Chi tiết cụ thể như sau:

Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3:

+ Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% (82/82 em)

+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình GDTH đạt 100% (247/247 em)

Phổ cập giáo dục THCS mức độ 3:

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 99,56% (226/227 em).

Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 tuổi đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc GDNN đạt 99,11% (225/227 em)

- Chỉ tiêu số 5.4:

Hàng năm, công tác xóa mù chữ của xã đều đạt kết quả tốt và được UBND huyện công nhận đạt chuẩn phổ cập xóa mù chữ mức độ 2 theo quyết định 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022, kết quả cụ thể:

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 được công nhận biết chữ 100% (704/704 người);

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận biết chữ đạt 100% (2131/3131 người).

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 được công nhận biết chữ đạt 100% (4230/4230 người).

- Chỉ tiêu số 5.5:

+ Trung tâm học tập cộng đồng của xã hoạt động hiệu quả của xã nhiều năm liên tục được huyện đánh giá đạt loại Tốt (Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn);

- Chỉ tiêu số 5.6:

Hàng năm, xã xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo hướng xã hội hóa về mô hình giáo dục thể chất cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn, lứa tuổi của học sinh, chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục, thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền..., cụ thể như sau:

+ Trường TH&THCS Đông Nam có mô hình: câu lạc bộ cầu lông, câu lạc bộ Võ Vovinam và câu lạc bộ Bóng; Trường mầm non có mô hình câu lạc bộ Aerobic. Các câu lạc bộ đã duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả, tham gia nhiều giải đấu, giao lưu với các đội bạn trong xã và trên địa bàn huyện, đã giành được nhiều thành tích.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 5 về Giáo dục: Đạt.

4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 6.1: Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên: Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn, bản và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên; Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện.

- Chỉ tiêu số 6.2: Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Chỉ tiêu số 6.3: Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới $\geq 75\%$ đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục ($\geq 78\%$ trong năm xét, công nhận hoặc năm liền kề); $\geq 50\%$ đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1:

+ Cơ sở vật chất, thiết chế nhà văn hóa, thể thao cấp xã thôn (Trung tâm văn hóa – thể thao xã và nhà Văn hóa – khu thể thao thôn: được đầu tư xây dựng có các khu, phòng, hạng mục theo quy định. Trên địa bàn xã có 07/07 điểm công cộng được lắp đặt các dụng cụ TDTT gồm: 06 nhà văn hoá thôn và Trung tâm VHTT của xã.

Triển khai tổ chức các loại hình câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, xây dựng các mô hình, với 6 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ của địa phương, thu hút 58,04% người dân tham gia thường xuyên. Bảo tồn và phát triển mô hình văn hóa nổi trội là hát Chèo thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện, phục vụ bạn đọc; bổ sung các đầu sách báo; luân chuyển giữa các phòng đọc sách, thư viện xã, thư viện các

trường học, tủ sách ở các nhà văn hóa thôn... với hơn 3.000 lượt sách báo được luân chuyển.

- Chỉ tiêu 6.2: Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

Xã Đông Nam có 2 di tích lịch sử cấp tỉnh: Từ Đường họ Lê Đình; Thành Hoàng Nghiêu - Căn cứ Nguyễn Chích. Hàng năm xã đều xây dựng Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di tích, di sản văn hóa, quảng bá và giới thiệu trên trang thông tin điện tử xã, Fanpage xã Đông Nam. Ban quản lý di tích được thành lập và kiện toàn theo quy định, di tích lịch sử xuống cấp được tu bổ, tôn tạo theo Luật di sản và các văn bản quy định, không để xảy ra sai phạm trong tu bổ, tôn tạo di tích.

- Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới:

+ Có 6/6 thôn (100% các thôn) được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa 03 năm liên tục từ 2020 – 2022, có 04/6 thôn đã được công nhận đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu (66,7%).

+ Về danh hiệu “gia đình văn hóa” và khen thưởng gia đình văn hóa: từ năm 2020-2022 số hộ đạt gia đình văn hóa 1265/1452 hộ đạt 87,12%, có 01 thôn đạt đạt danh hiệu gia đình văn hóa 5 năm liên tục (thôn Mai Chũ).

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 6 về Văn hóa: Đạt.

4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã Đông Nam có Chợ Đông Nam được nâng cấp xây dựng theo quy hoạch chợ chuẩn NTM, được công nhận chợ an toàn thực phẩm. Chợ Đông Nam là nơi mua bán chính của Nhân dân trong xã và các xã lân cận, hoạt động vào các ngày lẻ trong tháng, quy mô 50 gian hàng và hiện tại có 27 gian hàng đang kinh doanh cố định, hàng hóa chủ yếu là các dụng cụ, vật dụng, đồ gia dụng thông thường, thực phẩm rau, củ quả, thịt, cá.

Khuôn viên chợ có hệ thống tường rào bao quanh, nền và sân chợ được đổ bê tông; có nhà điều hành khoảng 30,25 m² kèo thép, mái tôn; Khu vệ sinh khoảng 32,5 m². Các khu vực bán hàng được quy định các mặt hàng kinh doanh cụ thể, hợp lý tạo môi trường vệ sinh sạch sẽ, có hệ thống cấp nước sạch và rãnh thoát nước riêng, đảm bảo thông thoáng và dễ dàng thông tắc, có một bể nước 03 m³ dùng cho công tác vệ sinh chung của chợ; khu vực để xe nền bằng bê tông, phù hợp với lưu lượng người vào chợ, được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn cho khách; khu thu gom và xử lý rác thải và phương án vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý rác tập trung của xã; có phương án và hệ thống cấp điện đảm bảo cho hoạt động của chợ và phương án và thiết bị phòng cháy chữa cháy, chợ được trang bị 6 bình

chữa cháy đảm bảo chất lượng. Có bố trí riêng biệt các khu: bán thịt tươi sống, thủy hải sản, khu rau củ quả, quần áo, con giống gia súc, gia cầm.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt.

4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Chỉ tiêu số 8.2: Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.

- Chỉ tiêu số 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Chỉ tiêu số 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ tiêu số 8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

Xã Đông Nam có điểm phục vụ Bưu chính là Bưu điện Văn hóa xã Đông Nam, mã số hiệu 445470, đáp ứng các quy định của Bộ thông tin và truyền thông về diện tích, bán kính phục vụ, thực hiện niêm yết thời gian phục vụ, niêm yết nội quy sử dụng và treo biển hiệu theo quy định; đáp ứng tiêu chuẩn về mặt bằng, trang thiết bị theo quy định của ngành, Điểm Bưu điện Văn hóa xã Đông Nam có diện tích 250m²,

+ Có treo biển tên điểm phục vụ: Bưu điện văn hóa xã Đông Nam, Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ:

+ Buổi Sáng từ 7h giờ đến 11 giờ 30phút , Buổi Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ. Thời gian phục vụ tối thiểu là 8h/ngày làm việc.

+ Cung cấp các dịch vụ, bao gồm: bưu chính, tài chính, phân phối, dịch vụ công trực tuyến.

+ Dịch vụ công trực tuyến: Tại điểm bưu điện văn hóa xã có máy tính kết nối internet, nhân viên tại điểm phục vụ có khả năng sử dụng thành thạo và hướng dẫn được cho người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, điểm bưu điện văn hóa xã có khả năng tiếp nhận và trả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến với công dân.

- Chỉ tiêu 8.2: Trên địa bàn xã có 2692/3136 người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ 85,84%.

- Chỉ tiêu 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông:

+ Xã có Đài truyền thanh xã và hệ thống loa đến các thôn với 30 cụm loa với 54 loa hoạt động tốt, đảm bảo truyền tải các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đến cán bộ và nhân dân toàn xã.

+ 6/6 thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định, mạng di động mặt đất, dịch vụ băng thông rộng cố định mặt đất và trên mạng viễn thông di động mặt đất. Có 100% số thôn có hộ gia đình thu xem được một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.

+ Xã có điểm cung cấp xuất bản phẩm tại cửa hàng Tuấn Hằng – thôn Tân Chính. Bán các loại sách giáo khoa, báo, các ấn phẩm, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và nhân dân trong thôn, xã, điểm cung cấp xuất bản phẩm hoạt động theo các quy định của pháp luật.

- Chỉ tiêu số 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

Có 18/18 cán bộ, công chức của xã (đạt 100%) đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin. Ngoài việc tham gia các lớp tập huấn do Sở Thông tin và Truyền thông, UBND xã tổ chức, cán bộ, công chức của xã còn được tham gia các lớp tập huấn online do Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị khác tổ chức, qua đó đã góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin trong việc sử dụng các trang thiết bị, phần mềm ứng dụng CNTT, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức xã.

Về ứng dụng CNTT:

+ Xã có trang thông tin điện tử:

UBND xã hiện đang duy trì hoạt động ổn định trang thông tin điện tử của xã, địa chỉ: <http://dongnam.dongson.gov.vn>; Trang thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ các chức năng, chuyên mục và cập nhật đầy đủ thông tin theo quy định.

+ Xã có phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc:

Hiện UBND xã thực hiện điều hành, xử lý công việc trên hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc TD-Office; 100% cán bộ, công chức của xã được đào tạo, tập huấn và được cấp tài khoản sử dụng, hiện đã sử dụng thành thạo.

+ Xã có phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện:

UBND xã có ứng dụng phần mềm theo dõi nhiệm vụ của UBND huyện, được cấp tài khoản sử dụng tại địa chỉ <https://theodoinhiemvu.thanhhoa.gov.vn>, các nhiệm vụ được giao qua phần mềm cơ bản đã được thực hiện và có báo cáo kết thúc nhiệm vụ trên phần mềm.

+ Xã có ứng dụng CNTT để giải quyết thủ tục hành chính:

Tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có 03 máy tính bàn được kết nối mạng Internet, máy scan, máy in và các thiết bị khác để vận hành, khai thác Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử phục vụ công tác tiếp nhận và trả kết quả; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý, giải quyết trên Hệ thống phần mềm Một cửa điện tử; sử dụng hiệu quả Cổng dịch vụ công của tỉnh, các phần mềm hỗ trợ

giải quyết thủ tục hành chính như: chính sách, hộ tịch tư pháp,... đã góp phần cải cách thủ tục hành chính, công khai minh bạch, phục vụ kịp thời nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn xã, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt $744/1006 = 73,95\%$.

Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về máy tính và kỹ năng số cơ bản của xã đạt $2.692/3.136$ người (đạt $85,84\%$).

Xã có 01 sản phẩm OCOP (nước đóng chai Nam Anh) đã được giới thiệu, quảng bá trên sàn thương mại điện tử của Tổng công ty bưu điện Việt Nam (Postmart.vn).

- Chỉ tiêu 8.5: Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

Tất cả các thôn trên địa bàn xã đã được các doanh nghiệp viễn thông triển khai hạ tầng, cung cấp dịch vụ điện thoại, truy nhập Internet chất lượng cao, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Hiện mạng lưới có khả năng đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet của các cơ quan, cá nhân, tổ chức tại địa phương.

+ Tại các điểm công cộng trên địa bàn xã: UBND xã, hội trường xã, NVH các thôn, Bưu điện, Trạm y tế, Trường học, Di tích... đều có mạng wifi miễn phí đạt tỷ lệ 100%.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông: Đạt.

4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:

a. Yêu cầu của tiêu chí: Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 90\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện nay, xã không còn nhà tạm, dột nát.

- Tổng số hộ có nhà ở trong xã: 1.452 hộ; trong đó:

Nhà ở hết niên hạn sử dụng, nhà được xây dựng bằng vật liệu tạm thời mau hỏng, dễ cháy: 0 hộ.

- Nhà ở đảm bảo 03 cứng: $1452/1452$ hộ đạt 100%

- Số hộ có nhà ở tạm dột nát: 0 hộ.

- Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 0 hộ.

- Số hộ có nhà ở không đạt chuẩn (không đủ diện tích bình quân đầu người): $48/1452$ hộ chiếm $3,31\%$.

- Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): $1404/1452$ hộ đạt $96,69\%$.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: Đạt.

4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) đạt:

- Đối với xã Vùng 2: Năm 2022: ≥ 54 triệu đồng/người

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Kết quả rà soát năm 2022 và được duy trì ổn định đến thời điểm thẩm tra,

thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 58,2 triệu đồng/người/năm

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 10 về Thu nhập: (Đạt).

4.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều:

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 < 4,0% đối với xã Vùng 2.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động):

+ Tổng số hộ dân cư của xã tại thời điểm thăm tra: 1.452 hộ, số nhân khẩu: 5.221khẩu.

+ Theo kết quả rà soát thường kỳ năm 2022 toàn xã có 07 hộ nghèo, trong đó 04 hộ nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ đi số hộ nghèo không có khả năng lao động) là 03 hộ. Do đó:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{7-4}{1.452-4} \times 100 = 0,21 \%$$

- Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (trừ số hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

- Theo kết quả rà soát thường kỳ năm 2022 toàn xã có 45 hộ cận nghèo, trong đó 18 hộ cận nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ cận nghèo của xã (đã trừ đi số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) là 27 hộ. Do đó:

$$\text{Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (\%)} = \frac{45-18}{1.452-18} \times 100 = 1,88 \%$$

- Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều (trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động)

$$\text{Tỷ lệ nghèo đa chiều(\%)} = 0,21 + 1,88 = 2,09 \%$$

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều: Đạt.

4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 12.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 80\%$ đối với xã Vùng 2.

- Chỉ tiêu số 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 30\%$ đối với xã Vùng 2.

- Chỉ tiêu số 12.3: Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn, đối với xã Vùng 2: Nông, lâm, ngư nghiệp <30% hoặc Công nghiệp - Xây dựng >40% hoặc Dịch vụ >30%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tổng số hộ dân của xã: 1.452 hộ

- Tổng số nhân khẩu của xã: 5.221 khẩu, trong đó:

+ Lực lượng lao động: 3.136 người;

+ Lao động qua đào tạo: 2.537 người;

+ Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1.023 người.

- Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ lao động qua đào tạo (%): 2.537/3.136 người, đạt 80,90%.

- Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: 1.023/3.136 người, đạt 32,62%.

- Chỉ tiêu 12.3: Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực ngành Công nghiệp - Xây dựng đạt 49,46%. Cụ thể:

+ Nông nghiệp: 818/3.136 người, đạt 26,08%;

+ Công nghiệp - Xây dựng: 1.551/3.136 người, đạt 49,46%;

+ Dịch vụ: 767/3.136 người, đạt 24,46%.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 12 về Lao động: Đạt.

4.13. Tiêu chí số 13 về Hình thức tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 13.1: HTX hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Chỉ tiêu số 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

- Chỉ tiêu số 13.3: Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu số 13.4: Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.

- Chỉ tiêu số 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.

- Chỉ tiêu số 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

- Chỉ tiêu số 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

- Chỉ tiêu số 13.8: Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 13.1:

Xã Đông Nam có 1 HTXDV nông nghiệp Đông Nam, hoạt động theo Luật HTX năm 2012, với phương thức dịch vụ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh dưới sự quản lý của UBND xã. Hợp tác xã thành lập năm 1999, tính đến thời điểm hiện nay, HTX có 19 thành viên tham gia; HTX có 01 giám đốc, 01 phó giám đốc, 01 uỷ viên, Ban kiểm soát có 1 người và 15 thành viên HTX. Các thành viên góp vốn bằng tiền Việt Nam đồng, mức đóng góp tối đa không quá 20% vốn điều lệ của HTX, vốn điều lệ của HTX là 60.000.000 đồng.

Hàng năm HTX được đánh giá xếp loại đạt loại khá, hoạt động của HTX có lãi, đảm bảo đời sống cho các thành viên trong HTX; HTX sản xuất, kinh doanh

chủ yếu trên một số ngành nghề như: dịch vụ giải phóng đất, thu hoạch lúa bằng máy gặt, tưới tiêu, bảo vệ sản xuất, đào đắp thủy lợi nội đồng và dịch vụ thuốc bảo vệ thực vật, thu mua lúa tươi... duy trì hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật, hướng dẫn nhân dân các biện pháp chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh kịp thời và đạt hiệu quả.

Hàng năm, HTX DV nông nghiệp thực hiện ký kết với Công ty cổ phần Thương mại Sao Khuê tiêu thụ sản phẩm chủ lực cho người dân trong xã và cung ứng thuốc bảo vệ thực vật cho xã viên và nhân dân. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 sau khi trừ tất cả các chi phí, trả lương... đảm bảo lợi nhuận hơn 500 triệu đồng, duy trì mô hình liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của xã, bước đầu đã đem lại hiệu quả, tạo được niềm tin của xã viên và nhân dân trong xã.

- Chỉ tiêu số 13.2: Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

Địa phương có 01 sản phẩm – Nước uống đóng chai Nam Anh được công nhận sản phẩm OCOP 3 sao tại Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện.

- Chỉ tiêu số 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

Trên địa bàn có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu trong SX lúa. Tổng số máy cơ giới bao gồm: 12 máy làm đất, 7 máy cấy, 1 máy làm mạ khay; 11 máy làm cỏ, 15 máy phun thuốc trừ sâu; 9 máy gặt

Tỷ lệ trung bình thực hiện bằng cơ giới hóa đồng bộ trong 5 khâu đạt 85%: Khâu làm đất: cơ giới hóa đạt 100%; Khâu gieo trồng: cơ giới hóa đạt 62,5%; Khâu chăm sóc: cơ giới hóa đạt 62,5%; Khâu thu hoạch: cơ giới hóa đạt 100%; Khâu tưới tiêu chủ động: 100%.

- Chỉ tiêu số 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các khâu trong sản phẩm chủ lực của xã.

Xác định gạo là sản phẩm chủ lực, xã Đông Nam đã tập trung chỉ đạo, tuyên truyền cho nhân dân về sản xuất lúa an toàn, ghi nhật ký quá trình canh tác để phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm; duy trì và phát triển vùng sản xuất lúa tập trung, năng suất chất lượng hiệu quả cao, quy mô 220 ha, chiếm 34,54% trên địa bàn xã, được Hợp tác xã HTXDV nông nghiệp Đông Nam liên kết tiêu thụ lúa tươi với Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê thông qua đó góp phần đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn. Tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích.

Tuân thủ chế độ ghi chép nhật ký canh tác của vùng sản xuất lúa tập trung phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê đầu mối với đơn vị cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm là Công ty cổ phần Icheck để ký kết hợp đồng thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc và cấp tem cho sản phẩm gạo của xã. Đến nay, đã có 53.000 tem được dán trên bao bì sản phẩm, phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở từng công đoạn.

- Chỉ tiêu số 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.

Sản phẩm chủ lực của xã là lúa, gạo, hợp tác xã đã liên kết tiêu thụ lúa tươi với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê với diện tích quy mô 220 ha, chiếm 34,54% trên địa bàn xã. Công ty Sao Khuê đã ký hợp đồng với công ty cổ phần Icheck về việc làm mã QR hiện thị tất cả các quy trình từ khâu sản xuất đến việc bảo quản, chế biến thương mại. Người tiêu dùng có thể quét mã tem sẽ ra đầy đủ các thông tin cần thiết. Sản phẩm gạo được đem ra thị trường tiêu thụ là gạo Thanh Hương 2. Được công ty giới thiệu trên trang <http://Saokhue.vn.com> và trang nông sản an toàn <http://www.nongsanantoanthanhhoa.vn>.

- Chỉ tiêu số 13.6: Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.

Hiện xã và HTX DVNN triển khai thực hiện đăng ký cấp mã số vùng trồng lúa tập trung tại đồng Lãng Tương, thôn Tân Chính với 10 hộ tham gia, quy mô diện tích 2,21 ha: Mã số VN-38-405-16423-7-23.

- Chỉ tiêu số 13.7: Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

UBND xã đã triển khai xây dựng trang thông tin điện tử của xã xây dựng được chuyên mục du lịch của xã (Đường link, tên trang thông tin điện tử: <http://dongnam.dongson.gov.vn>) và đăng nhiều tin bài quảng bá về di tích, thông tin du lịch của địa phương trên trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: <http://dongson.thanhhoa.gov.vn>, nhằm quảng bá thông tin hình ảnh, vùng đất, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, các sản phẩm đặc trưng của xã đến nhân dân trong và ngoài tỉnh.

- Chỉ tiêu số 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

Mô hình sản xuất và kinh doanh Nước uống đóng chai Nam Anh tại cơ sở của ông Lê Hữu Thuận đã mang lại hiệu quả kinh tế, tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 5 lao động trong và ngoài xã với mức thu nhập mỗi lao động từ 5,5 – 6 triệu đồng/tháng.

+ Tên mô hình: Nước uống đóng chai Nam Anh

+ Địa điểm: Thôn Tân Chính, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Quy mô: 604.800 chai/năm.

+ Loại hình sản xuất kinh doanh: Hộ kinh doanh.

+ Sản phẩm chính của mô hình: Nước đóng chai.

+ Kết quả thực hiện mô hình: Doanh thu 1.890 triệu đồng/năm nhuận trước thuế đạt hơn 260 triệu đồng/năm.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số về hình thức tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn 13: (Đạt).

4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế

a. Yêu cầu tiêu chí

- Chỉ tiêu số 14.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) đạt từ 95% trở lên.

- Chỉ tiêu số 14.2: Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) trên 90%.

- Chỉ tiêu số 14.3: Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt từ 40% trở lên.

- Chỉ tiêu số 14.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt trên 70% dân số.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1:

Tổng số nhân khẩu của xã (theo số liệu của Chi cục thống kê): 5.221 người. Số người có thẻ BHYT: 4923 người gồm: Công an: 0 người; Quân đội 0 người; thân nhân công an, quân đội 60 người.

+ Số người tham gia BHYT trên địa bàn xã 3995 người; Số người tham gia BHYT ngoài địa bàn xã: 868 người; Số người tham gia xuất khẩu lao động: 209 người. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: $4.923/(5.221-209) = 98,8\%$;

- Chỉ tiêu 14.2:

Xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020, làm tốt công tác duy trì bộ tiêu chí (năm 2021 đạt 94 điểm, năm 2022 đạt 93,5 điểm).

Cơ sở vật chất Trạm y tế xã Đông Nam với diện tích 2518,5 m² được đầu tư khang trang, hiện đại, có 02 khu chức năng, 01 nhà 2 tầng, 01 nhà mái bằng, 4 giường bệnh cơ sở hạ tầng khang trang, sạch đẹp, được trang bị được phân bổ theo gói dịch vụ các năm đủ theo danh mục quy định tại tuyến y tế cơ sở tại quyết định số 869/QĐ-SYT ngày 18/07/2019. Trạm y tế có vườn mẫu thuốc nam có đủ 70 loại cây thuốc nam theo quy định của Bộ y tế hướng dẫn cho nhân dân hái và sử dụng điều trị các bệnh thông thường. Thuốc thiết yếu trong danh mục BHYT và tử thuốc tại trạm y tế cung ứng đầy đủ phục vụ nhân dân. Trạm y tế được trang bị đầy đủ máy tính có kết nối internet để phục vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiêm chủng mở rộng, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Nhân lực trạm y tế xã có 5 người (01 y sỹ cao đẳng, 03 điều dưỡng cao đẳng, 01 y tá trung học).

+ Hàng năm TYT xã đã xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác KCB cho nhân dân không ngừng học tập, tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ... xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử tính đến ngày 23/3/2023, tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe: 5089/5221 người đạt 97,47%.

- Chỉ tiêu 14.3: UBND xã triển khai đến các người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa áp dụng cho cả nam và nữ qua phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân như APP MOBIL điện thoại thông minh để cài đặt phần mềm tiêm chủng cho trẻ < 5 tuổi, phụ nữ có thai, tiêm vắc xin phòng chống Covid-19 và cài đặt PC Covid, Sổ sức khỏe điện tử. Tỷ lệ người dân có sử dụng điện thoại thông minh có APP 2388/5221 người đạt 45,74%.

- Chỉ tiêu số 14.4: UBND xã đã tổ chức triển khai thực hiện hồ sơ sức Khỏe điện tử, đồng thời tuyên truyền và hướng dẫn người dân sử dụng khám chữa bệnh từ xa được tích hợp trong phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân, kết quả đến nay đã có 5089/5221 người dân trong xã có sổ chữa bệnh điện tử để người dân cập nhật thông tin về sức khỏe của bản thân đạt 97,47%.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 14 về Y tế: Đạt.

4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 15.1: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Chỉ tiêu số 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Chỉ tiêu số 15.3: Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

b. Kết quả thực hiện:

- Chỉ tiêu số 15.1:

Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã Đông Nam được sắp xếp gọn gàng, sạch đẹp với diện tích 140m², ½ diện tích được bố trí ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch đảm bảo đúng quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầu tư cho bộ phận một cửa: 02 điều hòa; hệ thống camera theo dõi với 04 mắt quan sát, 01 bàn làm việc khép kín với 05 quầy giao dịch, 05 máy tính kết nối mạng, 05 máy in, 01 máy photocopy, 03 máy Scan; 05 tủ đựng hồ sơ cho công chức chuyên môn đựng tài liệu; cán bộ công chức đã được cấp và sử dụng chứng thư số; 04 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan.

UBND xã đảm bảo 100% cán bộ, công chức làm công tác tham mưu được trang bị máy tính, 01 máy in và được kết nối mạng LAN, WAN, internet một cách đồng bộ và được cấp chứng thư số để thực hiện ký số văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. Hàng năm, hệ thống máy tính của UBND xã được bảo trì, cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền trong toàn hệ thống mạng.

+ Hiện nay, 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử đi vào hoạt động ổn định phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC. Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua hệ thống phần mềm một cửa điện tử:

Năm 2021: Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết 2.286/2.286 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó đã giải quyết trước hạn và đúng hạn là 2.286 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%, hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ.

Năm 2022: Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết. Trong đó đã giải quyết trước hạn và đúng hạn là 2.690 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%, hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ.

Quý I năm 2023 tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết là: 448 hồ sơ, trong đó số hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn là 448 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%, hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ.

- Chỉ tiêu số 15.2:

Hiện nay xã Đông Nam đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 11 thủ tục và mức độ 4 đối với 27 thủ tục.

Năm 2021, UBND xã đã tiếp nhận 2.286 hồ sơ trên điện tử một cửa: Trong đó, tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 299/299 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100% Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là : 463/508 hồ sơ, đạt tỷ lệ 91,14%, vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

Năm 2022, UBND xã đã tiếp nhận 2.690 hồ sơ trên Một cửa điện tử: Trong đó, hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 325/325 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100 %; mức độ 4 là 526/526 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%

Quý I năm 2023, tổng số hồ sơ xã đã tiếp nhận là 448 hồ sơ trên Một cửa điện tử: trong đó, hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 66/68 hồ sơ, đạt tỷ lệ 97,06%. Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 144/144 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo và vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

+ Tính đến thời điểm hiện tại xã Đông Nam đã thực hiện 409 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

- Chỉ tiêu số 15.3:

+ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được niêm yết trên trang thông tin điện tử <http://dongnam.dongson.gov.vn>. Thực hiện niêm yết công khai 247/247 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; niêm yết danh mục 11 TTHC dịch vụ công mức độ 3, 27 TTHC mức độ 4 tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã, trên Trang thông tin điện tử của UBND xã tại địa chỉ: dongnam.dongson.thanhhoa.gov.vn.

+ Hệ thống phản hồi Thanh Hoá không nhận được phản ánh, kiến nghị nào liên quan đến thủ tục hành chính tại UBND xã Đông Nam.

+ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC giải quyết TTHC.

+ Đã thực hiện việc scan, số hoá hồ sơ tiếp nhận và trả và kết quả theo quy định.

+ Từ trong 3 năm (2020-2023), UBND xã Đông Nam đạt trên 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn; không có phản ánh kiến nghị về TTHC trên Hệ thống phản hồi Thanh Hoá.

+ Việc giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo hướng tinh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, theo phương châm lấy sự hài lòng của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng và hiệu quả. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2021, 2022 và

hiện tại đạt 18/18 điểm, xếp loại xuất sắc.

+ Năm 2022 và quý I năm 2023 tỷ lệ đánh giá sự hài lòng về giải quyết TTHC của UBND xã đạt 02/02, điểm đạt 100% hài lòng và rất hài lòng.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 15 về Hành chính công: (Đạt).

4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 16.1: Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

- Chỉ tiêu số 16.2: Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên.

- Chỉ tiêu số 16.3: Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt từ 90% trở lên.

b. Kết quả tổ chức thực hiện:

- Chỉ tiêu số 16.1: Xã đảm bảo đáp ứng điều kiện để được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Xã có 02 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận gồm: mô hình "Làng quê an toàn cho Phụ nữ và trẻ em" và mô hình "Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu thôn Phú Yên".

- Chỉ tiêu số 16.2: Không có vụ việc nào thuộc phạm vi hòa giải.

- Chỉ tiêu số 16.3: Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100% (không có người yêu cầu).

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật: (Đạt).

4.17. Tiêu chí số 17 Môi trường

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 17.1: Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu số 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu số 17.3: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.

- Chỉ tiêu số 17.4: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

- Chỉ tiêu số 17.5: Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Chỉ tiêu số 17.6: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu số 17.7: Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường;

- Chỉ tiêu số 17.8: Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

- Chỉ tiêu số 17.9: Nghĩa trang cơ sở hoả táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Chỉ tiêu số 17.10: Tỷ lệ sử dụng hình thức hoả táng.

- Chỉ tiêu số 17.11: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.

- Chỉ tiêu số 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

b. Kết quả thực hiện:

- Chỉ tiêu số 17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (*gia súc, gia cầm*), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ (*gia súc, gia cầm*), khu nuôi trồng thủy sản mà chỉ có các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, 100% (145/145) các hộ này được ký cam kết bảo vệ môi trường với UBND xã theo quy định và có hệ thống xử lý chất thải, hệ thống bể bioga, đê mốt sinh học đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chỉ tiêu số 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Toàn xã có 98 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (Không có làng nghề) đạt 100%. Các cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường đã ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chỉ tiêu số 17.3: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.

Xã Đông Nam có 1452/1452 hộ gia đình đạt 100% số hộ đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại với hợp tác xã dịch vụ môi trường Tân Sơn, định kỳ 2 ngày 01 lần. Các hộ gia đình tự thu gom, phân loại rác thải tại gia đình. Tổ thu gom rác thải tiến hành thu gom vận chuyển đến bãi tập trung tại các thôn và được HTXDV Môi trường Tân Sơn thu gom theo định kỳ.

+ Hàng tuần nhân dân trong xã tích cực tham gia công tác tổng vệ sinh môi trường do xã phát động. Quét dọn đường làng, ngõ xóm, thu dọn các vật liệu lán chiếm hành lang an toàn giao thông.

- Chỉ tiêu số 17.4 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.

UBND xã đã ban hành quy chế bảo vệ môi trường của UBND xã, hàng năm có kế hoạch bảo vệ môi trường. Trong đó, đường làng ngõ xóm, khu dân cư được tiến hành dọn vệ sinh thường xuyên 1 tuần/1 lần vào chiều Chủ nhật hàng tuần.

Các tuyến đường liên thôn, đường giao thông ngõ xóm, đường nội đồng đã được bê tông hoá và thảm nhựa đạt chuẩn, các tuyến đường trục chính đều có hệ thống mương thoát nước mưa hai bên đường, hệ thống đèn chiếu sáng, biển báo giao thông....

Tại các khu dân cư có hệ thống tiêu thoát nước chung, hầu hết các hộ gia đình đã có hố Bioga hoặc hố xử lý nước thải. Tất cả lượng nước thải sinh hoạt của

hộ gia đình đều chảy qua hố bioga hoặc hố xử lý nước thải của hộ gia đình trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thôn, của xã.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả đạt 798/1452 đạt 54,96%.

- Chỉ tiêu số 17.5: Toàn xã có 100% số hộ đã thực hiện biện pháp thu gom xử lý rác thải. Trong đó có 839 hộ/1452 hộ đạt 57,8% số hộ gia đình trên địa bàn xã đã thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trước khi hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn thu gom để vận chuyển đến bãi tập trung rác thải để xử lý.

- Chỉ tiêu số 17.6: Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Lượng chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom vào các thùng thu gom và được vận chuyển, xử lý theo quy định không để chất thải phát sinh ra môi trường. Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa (40 bể) vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng tháng tổ thu gom rác thu gom để vận chuyển xử lý theo quy định.

- Chỉ tiêu số 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng/khối lượng chất thải phát sinh đạt $\geq 80\%$: Đạt

$$T_{\text{thải}} = \frac{\text{Khối lượng chất thải thu gom}}{\text{Khối lượng chất thải phát sinh}} = \frac{6.522}{7.689} = 84,82\%$$

- Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp/tổng số hộ gia đình, trang trại đạt $\geq 80\%$: Đạt

$$T_{\text{hộ}} = \frac{\text{Số hộ áp dụng biện pháp}}{\text{Tổng số hộ}} = \frac{1452}{1452} = 100\%$$

- Chỉ tiêu số 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn xã Đông Nam có 04 trang trại chăn nuôi tổng hợp đang hoạt động có hiệu quả. Có vị trí cách xa khu dân cư 500m và không làm ảnh hưởng đến khu dân cư, nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi được bố trí phù hợp với từng loại vật nuôi, với vật nuôi; cung cấp đủ thức ăn, nước uống bảo đảm vệ sinh; phòng bệnh và trị bệnh theo quy định của pháp luật về thú y; không đánh đập, hành hạ vật nuôi; Trang trại luôn thực hiện kê khai ban đầu, có sổ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, vắc xin và thông tin khác để đảm bảo truy xuất nguồn gốc; lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ nuôi. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường hằng năm có đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Qua kiểm tra, theo dõi trang trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 04/04 trang trại.

Đối với chăn nuôi nông hộ: Tính đến nay xã có 145 hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu là nuôi trâu, bò, lợn, gia cầm. Chuồng nuôi được tách biệt với nơi ở của người, vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi định kỳ. Chất thải trong được xử lý: phân phân khô được ủ làm phân bón và phân nước tiêu, nước rửa chuồng được cho xuống hố bioga đảm bảo vệ sinh môi trường. Các hộ chăn nuôi thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của Luật Chăn nuôi. Qua kiểm tra, theo dõi hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: $145/145 \text{ hộ} = 100\%$.

- Chỉ tiêu số 17.9: Trên địa bàn xã bố trí quy hoạch 02 Khu nghĩa trang nhân dân xã tập trung với diện tích khoảng 2,2 ha được quy hoạch cách xa khu dân cư, phân chia khu huyệt táng, cát táng riêng biệt; có đường vào sạch sẽ, xung quanh trồng cây xanh thuận tiện cho việc thăm viếng của người dân. Nghĩa trang được quản lý và sử dụng hợp lý, việc mai táng của nhân dân được thực hiện đúng theo quy chế, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài khu nghĩa trang.

- Chỉ tiêu số 17.10: Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

+ Thống kê việc mai táng 6 năm gần đây của xã tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng luôn đạt trên quy định tiêu chí, cụ thể: năm 2017 là 16,98%; năm 2018 là 36,6%; năm 2019 là 28,8%; năm 2020 là 41,37%; năm 2021 là 34,75%; năm 2022 là 34,2%; 03 tháng đầu năm là 50%.

- Chỉ tiêu số 17.11: Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn

+ Qua rà soát, thống kê trên địa bàn xã, diện tích cây xanh chủ yếu tập trung tại các trục đường chính liên xã, liên thôn, trung tâm văn hóa thể thao của xã, các khuôn viên nhà văn hóa thôn, trạm y tế.

$$T_{\text{đất cây xanh}} = \frac{21.913}{5221} = 4,2 \text{ (m}^2\text{/người)}$$

Khả năng tiếp cận cây xanh của người dân trên địa bàn xã đã đảm bảo nhu cầu, đa số người dân đã lựa chọn nhà văn hóa và dải cây ven đường để tiếp cận, đi bộ, thể thao, ... ; thời gian nhân dân dành cho hoạt động tại các điểm nhà văn hóa, khu vui chơi, đi bộ tập luyện thể dục thể thao đã được quan tâm và dành nhiều hơn, làm tăng khả năng tiếp cận với cây xanh, thông qua đó cải thiện sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

- Chỉ tiêu số 17.12: Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.

Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) của các hộ gia đình là 3.011kg, Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 2.262kg, tỷ lệ đã được thu gom $2.262/3.011$ đạt tỷ lệ 75%.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 17 về Môi trường: Đạt.

4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 18.1: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 55\%$ đối với xã Vùng 2.

- Chỉ tiêu số 18.2: Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít đối với xã Vùng 2.

- Chỉ tiêu số 18.3: Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 30\%$ đối với xã Vùng 2.

- Chỉ tiêu số 18.4: Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu số 18.5: Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

- Chỉ tiêu số 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu số 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.

Chỉ tiêu số 18.8: Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 18.1

Năm 2016, xã Đông Nam đã đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch và ký kết thỏa thuận với Công ty cổ phần dịch vụ nước sạch Quảng Xương, cấp nước cho 6 thôn trên địa bàn xã. Năm 2022, xã đã thực hiện điều tra, đánh giá tất cả các hộ dân sử dụng nguồn nước sạch đạt quy chuẩn và sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã.

Chất lượng nước của công ty đáp ứng ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá ban hành theo QĐ số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021.

Số hộ dân đầu nối sử dụng nước sạch từ nhà máy là 1.452/1.452 hộ = 100%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch toàn xã đạt: 1.452/1.452 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước HVS toàn xã đạt: 1.452/1.452 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước sạch: 7/7 hộ, đạt 100%; Tỷ lệ hộ nghèo sử dụng nước HVS: 7/7 hộ, đạt 100%.

- Chỉ tiêu số 18.2 Cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm (lít/người/ngày đêm): 63.39 lít/ người/ ngày đêm

Cụ thể công thức tính như sau:

$$= \frac{405 * 1000}{1452 * 4.4} = 63.39 \text{ Lít/người/ngày đêm}$$

Trong đó: Sản lượng trung bình ngày: 405 m³

Tổng Số hộ đầu nối: 1452 hộ, 5221 khẩu

- Chỉ tiêu số 18.3 Hệ thống nước sạch trên địa bàn xã do Công ty cổ phần dịch vụ nước sạch Quảng Xương cung cấp từ những hệ thống được quản lý, khai thác hoạt động bền vững theo quy định.

-Chỉ tiêu số 18.4: UBND xã đã thực hiện rà soát, thống kê 98 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn, trong đó: ngành nông nghiệp 57 cơ sở, ngành y tế 9 cơ sở, ngành công thương 32 cơ sở. Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống trên địa bàn, có 98/98 cơ sở tham gia tập huấn, đạt 100%.

- Chỉ tiêu số 18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã: trong năm 2022 trên địa bàn xã không có trường nào xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu số 18.6: Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: hiện nay trên địa bàn xã có 01 hộ chế biến thực phẩm là hộ ông Nguyễn Văn Công đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Chỉ tiêu số 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,8% (1435/1452 hộ), Hộ có nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 97,45% (1415/1452 hộ), và hộ sử dụng nguồn nước sạch 1452/1452 hộ đạt 100%.

- Chỉ tiêu số 18.8: Trên địa bàn xã có nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt do tỉnh quản lý, xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 18: (Đạt).

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a. Yêu cầu tiêu chí:

- Chỉ tiêu số 19.1: Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Chỉ tiêu số 19.2: Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b. Kết quả thực hiện:

- Chỉ tiêu số 19.1:

Hàng năm ban chỉ huy quân sự xã luôn được kiện toàn đủ 4 chức danh gồm (Chỉ huy trưởng; Phó chỉ huy trưởng đã được đào tạo qua trường trung cấp quân sự; chính trị viên là bí thư Đảng uỷ và chính trị viên phó là bí thư đoàn thanh niên kiêm nhiệm theo Luật dân quân quy định).

Cán bộ Dân quân tự vệ gồm: 10 đ/c Được biên chế, bổ nhiệm theo đúng quy định, cụ thể: 01 Trung đội trưởng DQCD; 03 Tiểu đội trưởng DQCD; 06 Thôn đội trưởng kiêm Tổ trưởng tổ dân quân tại chỗ; thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ dân quân. Số công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ DQTV toàn xã là 1515.đ/c (nam 827 đồng chí, nữ 688 đồng chí).

Lực lượng Dân quân của xã 56 đ/c /5221 nhân khẩu 0,0107% so với dân số toàn xã (không tính Ban CHQS xã). Trong đó: Dân quân cơ động: 1b DQCD 28 đ/c; Dân quân tại chỗ: 06 tổ 18 đ/c; Dân quân bình chủng 02 tổ có 06 đ/c (01 tổ Y tế, 01 tổ Thông tin).

Tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng Dân quân: 21/56 đạt 37,5%; đoàn viên: 23/56 đạt 41%; Quân nhân xuất ngũ 28/56 đạt 50%; Tỷ lệ Đảng viên trong lực lượng dân quân cơ động 7/28 đạt 25%; đoàn viên 11/28 đạt 39,2%.

Đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất: UBND xã phân bổ ngân sách đúng quy định, chi trả kịp thời khi thực hiện nhiệm vụ theo Luật DQTV. Được bố trí

phòng làm việc riêng, có phòng trực, tủ súng, camera an ninh tủ súng và được cấp công vụ cho các hoạt động ANCT, TTATXH, phòng thủ dân sự, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai...

Ban CHQS xã xây dựng đầy đủ kế hoạch hành động, hệ thống văn bản luôn được điều chỉnh bổ sung hàng năm.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ: hoàn thành tốt theo Luật NVQS, hàng năm giao quân luôn vượt chỉ tiêu huyện giao.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng kiến thức QP-AN; đối tượng 3, 4 theo đúng kế hoạch được phê duyệt đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Lực lượng dự bị động viên: tiếp nhận và đăng ký ngạch DBĐV cho quân nhân xuất ngũ đúng quy định; thực hiện tốt lệnh tập trung kiểm tra, sẵn sàng chiến đấu theo chỉ tiêu giao; tổ chức đăng ký đầy đủ phương tiện kỹ thuật sẵn sàng cho nhiệm vụ kiểm tra động viên khi có lệnh.

- Chỉ tiêu số 19.2:

Trên địa bàn xã tình hình an ninh nông thôn được giữ vững, ổn định, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên. Không có tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường. Tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế năm sau giảm hơn năm trước.

- Hàng năm, Đảng ủy điều ban hành Nghị quyết lãnh đạo nhiệm vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự; Các khu dân cư trên địa bàn có bản đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”. Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

- Công tác xây dựng mô hình: Trên địa bàn xã có 03 Mô hình tự quản về ANTT là Mô hình “3 trên 1”, “Công trường An toàn về ANTT”, mô hình “Camera giám sát an ninh, trật tự”.

- Từ năm 2020 đến nay trên địa bàn không xảy ra các hoạt động: Chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc; Phá hoại các mục tiêu, công trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; Tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật, hoạt động ly khai, đòi tự trị, gây rối an ninh, trật tự; Mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Thực hiện có hiệu quả các hoạt động phòng ngừa các loại tội phạm; kiểm chế, phòng ngừa các loại tội phạm và vi phạm pháp luật khác.

- Tháng 3/2021 trên địa bàn xảy ra vụ Cố ý gây thương tích, do 2 đối tượng từ địa bàn huyện Quảng Xương đến gây án, ngay khi xảy ra sự việc Công an xã và các lực lượng chức năng đã nhanh chóng làm rõ, kịp thời báo cáo Công an huyện, Công an tỉnh thụ lý điều tra xử lý, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh đã khởi tố vụ án Giết người, khởi tố 02 đối tượng trú tại huyện Quảng Xương. Ngoài vụ án trên, địa bàn không để xảy ra tội phạm nghiêm trọng nào khác.

- Trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không phát sinh người mắc tệ nạn xã hội ở cộng đồng; không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông và tai nạn lao động nghiêm trọng do công dân của khu dân cư gây ra ở cộng đồng.

- Về lực lượng Công an xã tuy thường xuyên biến động về quân số nhưng luôn đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ, hiện tại có 05 đồng chí. Trong các năm 2021 và 2022 đơn vị đạt Danh hiệu Đơn vị Tiên tiến, năm 2020 đạt Danh hiệu Đơn vị Quyết thắng. Không có CBCS bị xử lý kỷ luật.

- Hàng năm có 100% (6/6) khu dân cư trên địa bàn được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”.

- Hàng năm Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phối hợp với lực lượng Công an tích cực tham gia công tác vận động quần chúng thực hiện tốt các chương trình phối hợp, nghị quyết liên tịch, kế hoạch liên ngành về đảm bảo ANTT. Kịp thời phát hiện và phối hợp hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân và giải quyết các vụ việc về lĩnh vực ANTT. Thực hiện tốt công tác phát động và tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng, chống mua bán người.

- Tích cực tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi, người chấp hành xong án phạt tù, đối tượng vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư. Thực hiện tốt công tác dân vận cơ sở, đặc biệt là trong nhiệm vụ vận động nhân dân hiến đất, hiến công trình mở rộng đường làng, ngõ xóm xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao.

Xã Đông Nam không thuộc xã trọng điểm phức tạp về ANTT.

c. Đánh giá: mức độ đạt Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An Ninh: (Đạt).

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới của xã Đông Nam:

Xã Đông Nam không có nợ đọng trong xây dựng cơ bản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Đảm bảo yêu cầu theo quy định, hồ sơ đề nghị xét công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao của xã Đông Nam đã lập đầy đủ, đúng quy trình theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố và thu hồi Quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn Nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

Thực hiện và đáp ứng đầy đủ mức độ đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 (Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ); bộ tiêu chí xã NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2025 (Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Xã Đông Nam không còn nợ đọng trong xây dựng cơ bản thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

4. Xã Đông Nam không thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Công an

III. KIẾN NGHỊ

UBND huyện Đông Sơn đề nghị BCD các chương trình MTQG tỉnh Thanh Hóa, Văn Phòng Điều phối NTM tỉnh, Hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn NTM nâng cao tỉnh tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận cho xã Đông Nam đạt chuẩn xã NTM nâng cao; UB Mặt trận Tổ quốc huyện chủ trì, phối hợp với MTTQ xã Đông Nam tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao cho xã Đông Nam theo Hướng dẫn số 114/HD-MTTQ-BTT ngày 11/10/2022 của Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Thanh Hóa về việc Hướng dẫn lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐ NTM tỉnh (để b/c);
- VPĐP NTM tỉnh Thanh Hoá (để b/c);
- BCD các chương trình MTQG huyện (để b/c);
- UB MTQT huyện;
- BCD NTM xã Đông Nam;
- Lưu, VT; VPĐP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thế Sơn

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO NĂM 2023
đối với xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Báo cáo số: 145/BC-UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện Đông Sơn)

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Toàn bộ địa giới hành chính xã Đông Nam, huyện Đông Sơn thuộc Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 259/QĐ-TTg ngày 17/3/2023. Vì vậy xã Đông Nam đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) xã, nhằm đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch chung	Toàn bộ địa giới hành chính xã Đông Nam, huyện Đông Sơn thuộc Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 11/02/2019; Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 259/QĐ-TTg ngày 17/3/2023. Vì vậy xã Đông Nam đã thực hiện rà soát các nội dung Quy hoạch nông thôn (QHC) xã, nhằm đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch chung	Đạt
		1.2. Có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã Đông Nam đã duy trì việc niêm yết các bản đồ quy hoạch tại công sở xã và nhà văn hóa thôn, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, Sơ đồ định hướng phát triển không gian, bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sơ đồ vị trí mối liên hệ vùng. - Ngoài việc duy trì niêm yết các bản đồ quy hoạch, UBND xã còn thực hiện công bố bằng biện pháp thông báo, thông tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã và ở các thôn, lồng ghép nội dung tại các hội nghị để công bố quy hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã Đông Nam đã duy trì việc niêm yết các bản đồ quy hoạch tại công sở xã và nhà văn hóa thôn, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, Sơ đồ định hướng phát triển không gian, bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sơ đồ vị trí mối liên hệ vùng. - Ngoài việc duy trì niêm yết các bản đồ quy hoạch, UBND xã còn thực hiện công bố bằng biện pháp thông báo, thông tin tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của xã và ở các thôn, lồng ghép nội dung tại các hội nghị để công 	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
				nông thôn của xã. - Các hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch	bổ quy hoạch nông thôn của xã. - Các hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Các khu dân cư mới được quy hoạch chi tiết 1/500 phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt, cụ thể: Các MBQH số 933; MBQH số 3078; MBQH số 3079; MBQH số 7543.	Các khu dân cư mới được quy hoạch chi tiết 1/500 phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt, cụ thể: Các MBQH số 933; MBQH số 3078; MBQH số 3079; MBQH số 7543.	Đạt
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5m$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$ (trong đó: $\geq 60\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).	- 9,7/9,7km đường xã được nhựa hóa, có chiều rộng mặt đường $\geq 6,5m$, chiều rộng nền đường $\geq 8m$, được bảo trì hàng năm đạt 100% . - 8,0/9,7km đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định đạt:82,5%	- 9,7/9,7km đường xã được nhựa hóa, có chiều rộng mặt đường $\geq 6,5m$, chiều rộng nền đường $\geq 8m$, được bảo trì hàng năm đạt 100% . - 8,0/9,7km đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định đạt:82,5%	Đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ và $\geq 50\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).	100% được cứng hóa; tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá chiều rộng $B_m \geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0m$ là 15,4km/15,4km đạt 100%; Các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ 66,2%(10,2km/15,4km).	15,4/15,4km được bê tông hóa, nhựa hóa được bảo trì hàng năm, $B_m \geq 3,0m$, $B_n \geq 4,0m$ đạt 100%. 10,2km/15,4km có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp đạt tỷ lệ 66,2%.	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥90%(trong đó: ≥80% bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	14,68/14,68 đạt 100% được bê tông hóa, tỷ lệ mặt đường đường bê tông hóa có chiều rộng mặt đường $B_m \geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0m$ là 13,3km/14,68km đạt 90,6%, các tuyến đường đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp: 13.6/14.68 đạt 92.6%	14,68/14,68km =100% được bảo trì hàng năm và được bê tông hoá hoặc nhựa hoá. 13,3km/14,68km đạt 90,6%, có chiều rộng mặt đường $B_m \geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0m$. 13.6/14.68km đảm bảo sáng-xanh-sạch-đẹp đạt 92,6%	Đạt
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100% (trong đó: ≥70% bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m).	9,6km/9,6km đạt 100% cứng hoá; tỷ lệ bê tông hóa mặt đường có chiều rộng $B_m \geq 3,0m$, chiều rộng nền đường ≥4,0m là 7,5km/9,6km đạt 78,1%.	9,6km/9,6km đạt 100% cứng hoá; tỷ lệ bê tông hóa mặt đường có chiều rộng $B_m \geq 3,0m$, chiều rộng nền đường ≥4,0m là 7,5km/9,6km đạt 78,1%.	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 90%	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: $T_{tưới} = (762/762,56) \times 100\% = 100\%$ - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động: $T_{tiêu} = (706,9/706,9) \times 100\% = 100\%$	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: $T_{tưới} = (762/762,56) \times 100\% = 100\%$ - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động: $T_{tiêu} = (706,9/706,9) \times 100\% = 100\%$	Đạt
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Có 01 HTX - HTX dịch vụ NN Đông Nam thực hiện nhiệm vụ thủy lợi cơ sở hiệu quả, bền vững	Có 01 HTX - HTX dịch vụ NN Đông Nam thực hiện nhiệm vụ thủy lợi cơ sở hiệu quả, bền vững	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥20%	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Nam là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phơi đạt tỷ lệ 100%.	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Nam là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, Nông - Lộ - Phơi đạt tỷ lệ 100%.	Đạt
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Xã Đông Nam đã lập kế hoạch bảo trì các công trình thủy lợi nội đồng, đã tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch	Xã Đông Nam đã lập, đã tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	UBND xã đã thống kê, cập nhật đầy đủ các nguồn nước thải xả vào từng công trình thủy lợi do xã quản lý và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân công, phân cấp.	UBND xã đã thống kê, cập nhật đầy đủ các nguồn nước thải xả vào từng công trình thủy lợi do xã quản lý và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân công, phân cấp.	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Là xã không có đê; đạt mức “Tốt” các các nội dung của tiêu chí 3.6 về đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.	Là xã không có đê; đạt mức “Tốt” các các nội dung của tiêu chí 3.6 về đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	≥99%	- Tổng số hộ: 1.452 hộ; - Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.452 hộ, đạt 100%	- Tổng số hộ: 1.452 hộ; - Số hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: 1.452 hộ, đạt 100%	Đạt
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	Xã Đông Nam có 2 trường học với 3 cấp học đều đạt chuẩn Quốc gia và có 01 trường đạt chuẩn QG mức độ 2 đạt 100%, cụ thể: - Trường Mầm non Đông Nam đạt chuẩn QG mức độ 2 - Tiểu học và Trung học cơ sở đạt chuẩn QG mức độ 1	Xã Đông Nam có 2 trường học với 3 cấp học đều đạt chuẩn Quốc gia và có 01 trường đạt chuẩn QG mức độ 2 đạt 100%, cụ thể: - Trường Mầm non Đông Nam đạt chuẩn QG mức độ 2 - Tiểu học và Trung học cơ sở đạt chuẩn QG mức độ 1	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Xã Đông Nam được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐUBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	Xã Đông Nam được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐUBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	Mức độ 3 theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2.	Mức độ 2 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	Mức độ 2 Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND huyện	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2022 đạt loại Tốt theo Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn	Cộng đồng học tập” cấp xã năm 2022 đạt loại Tốt theo Quyết định số 3370/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Tổng số mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: 04 Mô hình. - Trường TH&THCS: Mô hình CLB Cầu lông, CLB Võ Vovinam, CLB Bóng đá. - Trường mầm non: Mô hình CLB Aerobic	Tổng số mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền: 04 Mô hình. - Trường TH&THCS: Mô hình CLB Cầu lông, CLB Võ Vovinam, CLB Bóng đá. - Trường mầm non: Mô hình CLB Aerobic	Đạt
		6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ,	Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt	Trên địa bàn xã có 07/07 điểm công cộng được lắp đặt các dụng cụ TDTT(06 nhà văn hoá thôn và Trung tâm VH TT của	Xã có 07/07 điểm công cộng gồm TTVH-TT xã có khu thể thao xã lắp đặt dụng cụ TDTT ngoài trời;- 6/6	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
6	Văn hóa	thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn, bản và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên; Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện.	xã). Có 06 CLB văn hóa thể thao đảm bảo thu hút trên 70% người dân tham gia thường xuyên. Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện tại Trung tâm VH TT, tại nhà văn hóa cá thôn, các trường học với trên 3000 lượt sách báo. 06/06 NVH thôn có tủ sách với trên 50 đầu sách	NVH-Khu thể thao thôn độc lập, đạt chuẩn, có dụng cụ thể thao đơn giản ngoài trời. - Có 06 CLB văn hóa thể thao đảm bảo thu hút trên 70% người dân tham gia thường xuyên. - Thư viện với trên 3.000 đầu sách báo, 06/06 NVH thôn có tủ sách với trên 50 đầu sách	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Có 02 di tích lịch sử cấp tỉnh được xếp hạng: Từ đường họ Lê Đình và Thành Hoàng Nghiêu – Căn cứ Nguyễn Chích, được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. Giới thiệu, quảng bá trên các trang thông tin điện tử	Có 02 di tích lịch sử cấp tỉnh được xếp hạng: Từ đường họ Lê Đình và Thành Hoàng Nghiêu – Căn cứ Nguyễn Chích, được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa. Giới thiệu, quảng bá trên các trang thông tin điện tử	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	≥75% đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục (≥78% trong năm xét, công nhận hoặc năm liên kê); ≥50% đạt chuẩn nông thôn mới.	Về danh hiệu khu dân cư văn hóa: Từ năm 2020 – 2022, 06/06 thôn được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa đạt tỷ lệ 100%. 04/6 (66,7%) thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; - Về danh hiệu "Gia đình văn hóa" và khen thưởng danh hiệu gia đình văn hóa: Từ năm 2020 – 2022 số hộ đạt gia đình văn hóa đạt trên 1265/1452 đạt 87,12%.	Về danh hiệu khu dân cư văn hóa: Từ năm 2020 – 2022, 06/06 thôn được công nhận danh hiệu khu dân cư văn hóa đạt tỷ lệ 100%. 04/06 (66,7%) thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; - Về danh hiệu "Gia đình văn hóa" và khen thưởng danh hiệu gia đình văn hóa: Từ năm 2020 – 2022 số hộ đạt gia đình văn hóa đạt trên 1265/1452 đạt 87,12%.	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an	- Tổng số chợ theo quy hoạch: 01 chợ - Số chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm: 01 Chợ;	- Trên địa bàn chợ Chợ Đông Nam, đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện		
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn	
	thương mại nông thôn		toàn thực phẩm theo quy định				
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	- Số điểm phục vụ bưu chính: 01 Điểm; - Số điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm.	Có bưu điện văn hóa xã Đông Nam, có cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Đạt	
		8.2. Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	Đạt.	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã là 2692/3136 người đạt 85,84 %	2692/3136 người đạt 85,84 %	Đạt	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	- 100% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên với 30 cụm loa 54 loa; - 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; - có điểm cung cấp xuất bản phẩm tại cửa hàng Tuần Hăng – thôn Tân Chính	- 100% thôn của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên với 30 cụm loa 54 loa; - 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; - có điểm cung cấp xuất bản phẩm tại cửa hàng Tuần Hăng – thôn Tân Chính	Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	Có 18/18 cán bộ công chức của xã được trang bị máy tính phục vụ công việc chuyên môn, đạt 100%. + Xã có trang thông tin điện tử: + Xã có phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc: + Xã có phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện: + Xã có ứng dụng CNTT để giải quyết thủ tục hành chính. + Có 01 sản phẩm được trên sàn thương mại điện tử (Postmart.vn)	Có 18/18 cán bộ công chức của xã được trang bị máy tính phục vụ công việc chuyên môn, đạt 100%. + Xã có trang thông tin điện tử: + Xã có phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc: + Xã có phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện: + Xã có ứng dụng CNTT để giải quyết thủ tục hành chính. + Có 01 sản phẩm được trên sàn thương mại điện tử (Postmart.vn)	Đạt	
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng	Đạt	Tại các điểm công cộng trên địa bàn xã: UBND xã, hội trường xã, NVH các thôn, Bưu điện, Trạm y tế, Trường học, Di	Tại các điểm công cộng trên địa bàn xã: UBND xã, hội trường xã, NVH các thôn, Bưu điện, Trạm y tế, Trường học,	Đạt	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
		đồng,...)		tích... đều có mạng wifi miễn phí.	Di tích... đều có mạng wifi miễn phí.	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 90\%$ đối với xã Vùng 2	- Tổng số hộ: 1,452 hộ; - Tổng số nhà: 1,452 Nhà; + Số hộ có nhà ở bán kiên cố, nhà ở dân cư chưa đạt chuẩn: 48 hộ, chiếm tỷ lệ 3,31%; + Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.404 hộ, chiếm tỷ lệ 96,69%	- Tổng số hộ: 1,452 hộ; - Tổng số nhà: 1,452 Nhà; + Số hộ có nhà ở bán kiên cố, nhà ở dân cư chưa đạt chuẩn: 48 hộ, chiếm tỷ lệ 3,31%; + Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.404 hộ, chiếm tỷ lệ 96,69%	Đạt
10	Thu nhập	Bình quân đầu người (Triệu đồng/người)	Năm 2022: ≥ 54	58,2	58,2	Đạt
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	$< 4,0\%$	2,09%	2,09%	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 80\%$	Tỷ lệ lao động qua đào tạo 2537/3136 đạt 80,9 %	Tỷ lệ lao động qua đào tạo 2537/3136 đạt 80,9 %	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của xã 1023/3136= 32,62%.	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của xã 1023/3136= 32,62%.	Đạt
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	Nông, lâm, ngư nghiệp $< 30\%$ hoặc Công nghiệp - Xây dựng $> 40\%$ hoặc Dịch vụ $> 30\%$.	Ngành kinh tế chủ lực của xã Đông Nam là ngành Công nghiệp - Xây dựng Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành Công nghiệp - Xây dựng của xã là 1551/3136 chiếm 49,46%.	Ngành kinh tế chủ lực của xã Đông Nam là ngành Công nghiệp - Xây dựng Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành Công nghiệp - Xây dựng của xã là 1551/3136 chiếm 49,46%.	Đạt
Tổ	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 1	Xã có 01 HTX: là HTXDV nông nghiệp Đông Nam hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	Xã có 01 HTX: là HTXDV nông nghiệp Đông Nam hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	Đạt	
	13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.	01 sản phẩm “Nước uống đóng chai Nam Anh” xếp hạng OCOP 03 sao”	01 sản phẩm “Nước uống đóng chai Nam Anh” xếp hạng OCOP 03 sao”	Đạt	
	13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng	≥ 1	Có 01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu	Có 01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu	Đạt	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
13	chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm		trong sản xuất lúa với diện tích 220 ha, được áp dụng trên địa bàn của 6 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa	khâu trong sản xuất lúa với diện tích 220 ha, được áp dụng trên địa bàn của 6 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa	
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥1 Sản phẩm	01 sản phẩm lúa, gạo thương phẩm được bao tiêu xuất nguồn gốc sản phẩm	01 sản phẩm lúa, gạo thương phẩm được bao tiêu xuất nguồn gốc sản phẩm	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥10%	Sản phẩm của xã Đông Nam được ký kết với các đơn vị trên sàn giao dịch điện tử; trên trang Website: saokhue.com.vn, nongsanantoanthanhhoa.vn ngoài ra còn được phân phối qua kênh thương mại điện tử Postmart.com chiếm 34,54%	Sản phẩm của xã Đông Nam được ký kết với các đơn vị trên sàn giao dịch điện tử; trên trang Website: saokhue.com.vn, nongsanantoanthanhhoa.vn ngoài ra còn được phân phối qua kênh thương mại điện tử Postmart.com, chiếm 34,54%	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt (nếu có)	Trên địa bàn xã có diện tích trồng lúa tại vùng sản xuất lúa tập trung : - Đối tượng cây trồng: Lúa; - Diện tích: 2,2133 ha; - Số hộ tham gia: 10 hộ; - Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP; đang trình Sở nông nghiệp phê duyệt	Mã số VN-38-405-16423-7-23 Đối tượng cây trồng: Lúa; - Diện tích: 2,21 ha.	Đạt
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn đã triển khai xây dựng trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: http://dongnam.dongson.thanhhoa.gov.vn và đăng tải thông tin du lịch của địa phương trên trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: http://dongson.thanhhoa.gov.vn , nhằm quảng bá thông tin hình ảnh, vùng đất, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, các sản phẩm đặc trưng của xã đến nhân dân trong và ngoài tỉnh.	Xã Đông Nam, huyện Đông Sơn đã triển khai xây dựng trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: http://dongnam.dongson.thanhhoa.gov.vn và đăng tải thông tin du lịch của địa phương trên trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: http://dongson.thanhhoa.gov.vn , nhằm quảng bá thông tin hình ảnh, vùng đất, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, các sản phẩm đặc trưng của xã đến nhân dân trong và ngoài tỉnh.	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥1 mô hình	Xã có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo tiêu chí theo yêu cầu: - Tên mô hình: Nước uống đóng chai Nam Anh; - Địa điểm thực hiện: Thôn Tân Chính, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn; - Số lượng: 604.800 chai /năm - Các tiêu chí đạt được: + Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô	Xã có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị đảm bảo tiêu chí theo yêu cầu: - Tên mô hình: Nước uống đóng chai Nam Anh; - Địa điểm thực hiện: Thôn Tân Chính, xã Đông Nam, huyện Đông Sơn; - Số lượng: 604.800 chai /năm - Các tiêu chí đạt được: + Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
				hình; + Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập.	hình; + Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập.	
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 4923/(5221-209)= 98,8%.	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 4923/(5221-209)= 98,8%.	Đạt
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	Có 5061/5221 người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý, theo dõi trên phần mềm, đạt 97,47%	Có 5061/5221 người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và quản lý, theo dõi trên phần mềm, đạt 97,47%	Đạt
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	Có 2381/5221 người dân đã cài đặt và sử dụng ứng dụng này đạt tỷ lệ 45,61% dân số	Có 2381/5221 người dân đã cài đặt và sử dụng ứng dụng này đạt tỷ lệ 45,61% dân số	Đạt
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥70%	Có 5061/5221 người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và theo dõi trên phần mềm quản lý, đạt 97,47% người dân	Có 5061/5221 người dân đã được tạo dựng hồ sơ sức khỏe điện tử và theo dõi trên phần mềm quản lý, đạt 97,47% người dân	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	- Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được đầu tư khang trang hiện đại, đầy đủ trang thiết bị; - 100% CB, CC làm công tác tham mưu được trang bị máy tính, 01 máy in và được kết nối mạng LAN, WAN, internet một cách đồng bộ và được cấp chứng thư số để thực hiện ký số văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; - 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử đi vào hoạt động ổn định phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC, năm 2021, 2022, 2023 tỷ số hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt 100%	- Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được đầu tư khang trang hiện đại, đầy đủ trang thiết bị; - 100% CB, CC làm công tác tham mưu được trang bị máy tính, 01 máy in và được kết nối mạng LAN, WAN, internet một cách đồng bộ và được cấp chứng thư số để thực hiện ký số văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; - 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử đi vào hoạt động ổn định phục vụ cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện TTHC, năm 2021, 2022, 2023 tỷ số hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn đạt 100%	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt.	Hiện nay xã Đông Nam đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 11 thủ tục và mức độ 4 đối với 27 thủ tục; Năm 2022, UBND xã đã tiếp nhận 2.690 hồ sơ trên Một cửa điện tử: Trong đó, hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 325/325 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100 %; mức độ 4 là 526/526 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%;	Hiện nay xã Đông Nam đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 11 thủ tục và mức độ 4 đối với 27 thủ tục; Năm 2022, UBND xã đã tiếp nhận 2.690 hồ sơ trên Một cửa điện tử: Trong đó, hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 là 325/325 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100 %; mức độ 4 là 526/526 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%;	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
				100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo và vượt chỉ tiêu tinh giao. Tính đến thời điểm hiện tại tại xã Đông Nam đã thực hiện 409 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.	100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo và vượt chỉ tiêu tinh giao. Tính đến thời điểm hiện tại tại xã Đông Nam đã thực hiện 409 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được niêm yết trên trang thông tin điện tử http://dongnam.dongson.gov.vn Hệ thống phản hồi Thanh Hoá không nhận được phản ánh, kiến nghị nào liên quan đến thủ tục hành chính tại UBND xã Đông Nam; Từ trong 3 năm (2020-2023), UBND xã Đông Nam đạt trên 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hẹn, không có hồ sơ quá hạn; Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2021, 2022 và hiện tại đạt 18/18 điểm, xếp loại xuất sắc; tỷ lệ đánh giá sự hài lòng về giải quyết TTHC của UBND xã đạt 02/02, điểm đạt 100% hài lòng và rất hài lòng	100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được niêm yết trên trang thông tin điện tử http://dongnam.dongson.gov.vn Hệ thống phản hồi Thanh Hoá không nhận được phản ánh, kiến nghị nào liên quan đến thủ tục hành chính tại UBND xã Đông Nam; Từ trong 3 năm (2020-2023), UBND xã Đông Nam đạt trên 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hẹn, không có hồ sơ quá hạn; Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2021, 2022 và hiện tại đạt 18/18 điểm, xếp loại xuất sắc; tỷ lệ đánh giá sự hài lòng về giải quyết TTHC của UBND xã đạt 02/02, điểm đạt 100% hài lòng và rất hài lòng	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥1	Đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Triển khai 2 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận. + Mô hình “ làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em” + Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu thôn Phú Yên	Đáp ứng đủ điều kiện để được công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Triển khai 2 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận. + Mô hình “ làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em” + Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu thôn Phú Yên	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥90%	Trong năm 2022 không có vụ việc.	Trong năm 2022 không có vụ việc.	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%.	0/0 đạt 100% .	0/0 đạt 100% .	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Qua rà soát, thống kê hiện nay trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm)	xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	Xã không có làng nghề; 98/98 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%	Xã không có làng nghề; 98/98 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường đạt 100%	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥85%.	- Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã: 1.452 hộ. - 100 % hộ gia đình trong xã hợp đồng với HTX môi trường Tân Sơn để thu gom vận chuyển về bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại xã để xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần	- Tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã: 1.452 hộ. - 100 % hộ gia đình trong xã hợp đồng với HTX môi trường Tân Sơn để thu gom vận chuyển về bãi chôn lấp rác thải tập trung của huyện tại xã để xử lý theo quy định với tần suất 02 ngày/lần	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	798 hộ/1.452hộ (đạt 54,96%).	798 hộ/1.452hộ (đạt 54,96%).	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 839 hộ/1.452 hộ, đạt 57,8%.	Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 839 hộ/1.452 hộ, đạt 57,8%.	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Toàn xã có 40 tại xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. - Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). Đạt 100%	Toàn xã có 40 tại xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. - Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). Đạt 100%	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%.	Tỷ lệ khối lượng chất thải trên địa bàn xã Đông Nam được thu gom, xử lý, tái sử dụng là 6522/7689 tấn = 84,82%; - Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Nam áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 1452/1452 hộ = 100,0%.	Tỷ lệ khối lượng chất thải trên địa bàn xã Đông Nam được thu gom, xử lý, tái sử dụng là 6522/7689 tấn = 84,82%; - Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại trên địa bàn xã Đông Nam áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 1452/1452 hộ = 100,0%. Đạt	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%.	- Tổng số cơ sở chăn nuôi: 145 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 145 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%	- Tổng số cơ sở chăn nuôi: 145 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 145 cơ sở, đạt tỷ lệ 100%	Đạt

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Xã Đông Nam được quy hoạch 2 khu nghĩa địa tập trung đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Xã Đông Nam được quy hoạch 2 khu nghĩa địa tập trung đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥5%.	năm 2017 là 16,98%; năm 2018 là 36,6%; năm 2019 là 28,8%; năm 2020 là 41,37%; năm 2021 là 34,75%; năm 2022 là 34,2%; 03 tháng đầu năm là 50%.	năm 2017 là 16,98%; năm 2018 là 36,6%; năm 2019 là 28,8%; năm 2020 là 41,37%; năm 2021 là 34,75%; năm 2022 là 34,2%; 03 tháng đầu năm là 50%.	Đạt
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² / người	21.913 m ² /5.221 người, đạt 4,22 m ² /người	21.913 m ² /5.221 người, đạt 4,22 m ² /người	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥70%	Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) năm 2022 khoảng 3.011kg, Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 2.262kg, tỷ lệ đã được thu gom 2.262/3.011 đạt tỷ lệ 75%.	Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) năm 2022 khoảng 3.011kg, Khối lượng chất thải nhựa phát được thu gom tái chế sử dụng: 2.262kg, tỷ lệ đã được thu gom 2.262/3.011 đạt tỷ lệ 75%.	Đạt
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥55%	- Tổng số hộ:1452 Hộ. - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1452, đạt tỷ lệ: 100%;	- Tổng số hộ:1452 Hộ. - Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1452, đạt tỷ lệ: 100%;	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥60 lít	63.39 lít/người/ngày đêm	63.39 lít/người/ngày đêm	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥30%	01 Doanh nghiệp cung cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100%	01 Doanh nghiệp cung cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100%	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%.	98/98 hộ, đạt 100%.	98/98 hộ, đạt 100%.	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không xảy ra sự cố về ATTP	Không xảy ra sự cố về ATTP	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	Trên địa bàn Không Có cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm, đạt 100%	Trên địa bàn Không Có cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm, đạt 100%	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa	≥ 95%.	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước	Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước	

TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn xã Vùng 2	Tự đánh giá kết quả thực hiện của xã	Kết quả thẩm tra của huyện	
					Kết quả thẩm tra	Đánh giá mức độ đạt chuẩn
		nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch		sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,8% (1435/1452), Hộ có nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 97,45% (1415/1452), và hộ sử dụng nguồn nước sạch 1452/1452 đạt 100%.	sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,8% (1435/1452), Hộ có nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch đạt 97,45% (1415/1452), và hộ sử dụng nguồn nước sạch 1452/1452 đạt 100%.	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Trên địa bàn xã có 01 bãi rác do tỉnh quản lý xã không có bãi chôn lấp CTR sinh hoạt	Trên địa bàn xã có 01 bãi rác do tỉnh quản lý. xã không có bãi chôn lấp CTR sinh hoạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ "vững mạnh, rộng khắp" đạt 100% - Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đạt 100% - Bồi dưỡng kiến thức QP-AN đạt 100% - Xây dựng lực lượng dự bị động viên đạt 100%; - Xây dựng đầy đủ kế hoạch hành động, hệ thống văn bản luôn được điều chỉnh bổ sung hàng năm; Đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất đúng quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ "vững mạnh, rộng khắp" đạt 100% - Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ đạt 100% - Bồi dưỡng kiến thức QP-AN đạt 100% - Xây dựng lực lượng dự bị động viên đạt 100%; - Xây dựng đầy đủ kế hoạch hành động, hệ thống văn bản luôn được điều chỉnh bổ sung hàng năm; Đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất đúng quy định 	Đạt
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	<p>Trên địa bàn xã tình hình an ninh nông thôn được giữ vững, ổn định, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên. Không có tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường. Tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế năm sau giảm hơn năm trước.</p> <p>Có các mô hình: mô hình camera an ninh đã lắp 32 mắt; mô hình 3/1 “Giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tái hoà nhập cộng đồng”; Mô hình “Công trường tự quản đảm bảo ANTT và ATGT”.</p> <p>Xã Đông Nam không thuộc xã trọng điểm phức tạp về ANTT</p>	<p>Trên địa bàn xã tình hình an ninh nông thôn được giữ vững, ổn định, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên. Không có tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, ma túy, môi trường. Tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế năm sau giảm hơn năm trước.</p> <p>Có các mô hình: mô hình camera an ninh đã lắp 32 mắt; mô hình 3/1 “Giáo dục, cảm hoá những người lầm lỗi tái hoà nhập cộng đồng”; Mô hình “Công trường tự quản đảm bảo ANTT và ATGT”</p> <p>Xã Đông Nam không thuộc xã trọng điểm phức tạp về ANTT</p>	Đạt